

**VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ
VIỆT NAM**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Hà Nội, tháng 12 năm 2020

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 22

CHỖ
C
KIẾ
V
ĐÁNH

BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC

Giám đốc Văn phòng Công ty Cổ phần Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là “Văn phòng Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Giám đốc Văn phòng Công ty đã điều hành Văn phòng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Thái Minh Dương	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 21/11/2019)
Ông Lê Văn Quang	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 23/08/2019 - Miễn nhiệm ngày 20/11/2019)
Ông Zhang Zheng Ming	Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 23/08/2019)
Bà Phạm Thu Phương	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 20/11/2019)
Ông Song Li Wei	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 20/11/2019)
Ông Trần Anh Thái	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 20/11/2019)
Ông Đỗ Ngọc Dũng	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 21/11/2019)
Ông Beh Heng Long	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 21/11/2019)
Ông Lê Cảnh Toàn	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 21/11/2019)
Bà Trần Thị Thu Hiền	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 21/11/2019)

Giám đốc

Ông Lê Cảnh Toàn	Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 21/11/2019)
Ông Lê Hải Đường	Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 26/03/2019 - Miễn nhiệm ngày 21/11/2019)
Ông Zhang Zheng Ming	Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 26/03/2019)

Người đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Văn phòng Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là:

Ông Zhang Zheng Ming	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 26/03/2019
Ông Lê Hải Đường	Từ ngày 26/03/2019 đến ngày 21/11/2019
Ông Lê Cảnh Toàn	Từ ngày 21/11/2019 đến ngày lập báo cáo này

TRÁCH NHIỆM CỦA GIÁM ĐỐC

Giám đốc Văn phòng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Văn phòng Công ty, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Văn phòng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Giám đốc Văn phòng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Văn phòng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Giám đốc Văn phòng Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Văn phòng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Giám đốc xác nhận rằng Văn phòng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Theo ý kiến của Giám đốc báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Văn phòng Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Lê Chất Xuân
Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 12 năm 2020

3-C
T-V
AN
O
HÀ N

Số: 377/VACO/BCKiT.NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Giám đốc
Văn phòng Công ty Cổ phần Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Văn phòng Công ty Cổ phần Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "Văn phòng Công ty"), được lập ngày 30 tháng 12 năm 2020, từ trang 05 đến trang 22, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Giám đốc

Giám đốc Văn phòng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không. Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Văn phòng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Văn phòng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại ngày cuối năm, một số khoản phải thu khách hàng và phải trả người bán chưa đối chiếu với số tiền lần lượt là 1.568.562.309 VND và 2.708.393.361 VND. Chúng tôi không thu thập được bằng chứng đầy đủ và thích hợp để xác nhận các khoản công nợ trên có hiện hữu, đầy đủ không và liệu có phải điều chỉnh gì liên quan đến giá trị các khoản công nợ này cũng như ảnh hưởng (nếu có) của chúng đến các khoản mục khác trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Văn phòng Công ty tại ngày 31/12/2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Văn Phòng tại Tp. Hồ Chí Minh
Lầu 6, tòa nhà HUD, 159 Điện Biên Phủ
P. 15, Q. Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: (84-28) 3840 6618
Fax: (84-28) 3840 6616

Văn Phòng tại Tp. Đồng Nai
Số 79 Đ. Hà Huy Tập, P. Quyết Thắng
Tp. Biên Hòa, T. Đồng Nai
Tel: (84-251) 382 8560
Fax: (84-251) 382 8560

Văn Phòng tại Tp. Hải Phòng
Tầng 4, số 19, Đ. Điện Biên Phủ, P. Máy Tơ
Q. Ngô Quyền, Tp. Hải Phòng
Tel: (84-225) 353 4655
Fax: (84-225) 353 4316

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 1, mục "Hoạt động liên tục" của Thuyết minh báo cáo tài chính: Doanh thu giảm sút, hoạt động kinh doanh thua lỗ, dòng tiền từ hoạt động kinh doanh âm trong các năm gần đây dẫn đến tại ngày 31/12/2019, Văn phòng Công ty có khoản lỗ lũy kế là 12,373 tỷ VND, khả năng thanh toán và các chỉ số tài chính không tốt là các yếu tố dẫn đến nghi ngờ về khả năng hoạt động liên tục của Văn phòng Công ty. Ban lãnh đạo mới của Văn phòng Công ty đang xây dựng kế hoạch kinh doanh trong những năm tới theo hướng đa dạng hóa ngành nghề, cùng với kế hoạch phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ để bổ sung nguồn vốn hoạt động cho Văn phòng Công ty. Ban lãnh đạo mới đã bước đầu triển khai việc bổ sung nhân sự chủ chốt cho Văn phòng Công ty; xây dựng kế hoạch kinh doanh tài chính trong 2 năm tới cùng kế hoạch phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ để trình Đại hội đồng cổ đông cùng các cơ quan quản lý có thẩm quyền thông qua. Đồng thời, như đã trình bày tại Thuyết minh số 24 - "Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán", đến ngày phát hành báo cáo này, Văn phòng Công ty đã ký hợp đồng nguyên tắc với Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Sản xuất - Xây dựng Đông Mê Kông về việc Văn phòng Công ty sẽ cung cấp các nguyên, vật liệu xây dựng cho Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Sản xuất - Xây dựng Đông Mê Kông với tổng giá trị nguyên, vật liệu xây dựng lên đến hơn 29 tỷ VND cũng như thu xếp, đàm phán và ký được các hợp đồng nguyên tắc về mua nguyên, vật liệu xây dựng từ các nhà cung cấp khác để cung cấp cho Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Sản xuất - Xây dựng Đông Mê Kông theo hợp đồng đã ký với Công ty này. Những thông tin trên cho thấy, có sự tồn tại của sự kiện trọng yếu không chắc chắn về tính liên tục hoạt động của Văn phòng Công ty, khi khả năng phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ để bổ sung nguồn vốn lưu động cho Văn phòng Công ty phụ thuộc vào sự thông qua của Đại hội đồng cổ đông cũng như các cơ quan quản lý có liên quan; hay tùy thuộc vào sự hỗ trợ tài chính và các hỗ trợ khác từ các cổ đông chính.

Như trình bày tại Thuyết minh số 7 của Thuyết minh Báo cáo tài chính: Tổng giá trị các hợp đồng hợp tác kinh doanh giữa Văn phòng Công ty với Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Xây dựng An Đức là 12,8 tỷ VND, lớn hơn 35% giá trị tổng tài sản trên báo cáo tài chính đã được soát xét quý 2 năm 2019 và chưa được Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua nhưng giá trị của mỗi hợp đồng này không vượt quá 35% giá trị tổng tài sản trên báo cáo tài chính đã được soát xét quý 2 năm 2019 và cũng đều đã được Hội đồng Quản trị Công ty thông qua trước khi thực hiện.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề này.



Lê Xuân Thắng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 0043-2016-156-1
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Hà Nội, Ngày 30 tháng 12 năm 2020

Nguyễn Phương Lan
Kiểm toán viên
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 0917-2018-156-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		13.431.359.415	19.491.437.500
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		106.192.876	1.236.149.627
1. Tiền	111	4	106.192.876	1.236.149.627
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		13.308.122.145	17.957.452.438
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	1.570.107.157	14.313.206.719
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		89.400.000	42.750.000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		13.666.667	11.566.667
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134	6	4.361.375.023	4.361.375.024
5. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	13.250.950.106	3.635.823.689
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(5.977.376.808)	(4.407.269.661)
III. Hàng tồn kho	140	9	-	228.338.842
1. Hàng tồn kho	141		297.401.567	228.338.842
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(297.401.567)	-
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		17.044.394	69.496.593
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	14.250.050	66.702.249
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	14	2.794.344	2.794.344
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		50.000.000	123.316.786
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		50.000.000	50.000.000
1. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		50.000.000	50.000.000
II. Tài sản cố định	220		-	-
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	-	-
- Nguyên giá	222		62.860.350	525.112.545
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(62.860.350)	(525.112.545)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240	9	-	69.529.614
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	69.529.614
IV. Tài sản dài hạn khác	260		-	3.787.172
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	-	3.787.172
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		13.481.359.415	19.614.754.286

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		5.707.567.372	8.550.067.937
I. Nợ ngắn hạn	310		5.707.567.372	8.256.067.937
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	12	3.164.305.242	6.292.210.098
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	13	1.588.007.754	1.588.007.754
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	64.771.143	274.658.660
4. Phải trả người lao động	314		424.655.849	85.534.182
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	15	465.827.384	15.657.243
II. Nợ dài hạn	330		-	294.000.000
1. Phải trả dài hạn khác	337	15	-	294.000.000
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		7.773.792.043	11.064.686.349
I. Vốn chủ sở hữu	410	16	7.773.792.043	11.064.686.349
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		20.000.000.000	20.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		20.000.000.000	20.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		146.866.588	146.866.588
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/(Lỗ) lũy kế	421		(12.373.074.545)	(9.082.180.239)
- Lợi nhuận/(lỗ) lũy kế đến cuối năm trước	421a		(9.082.180.239)	(10.025.362.489)
- Lợi nhuận/(lỗ) năm nay	421b		(3.290.894.306)	943.182.250
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		13.481.359.415	19.614.754.286



Lê Cảnh Toàn
 Giám đốc
 Hà Nội, ngày 30 tháng 12 năm 2020

Nguyễn Tiến Đạt
 Kế toán trưởng

Nguyễn Tiến Đạt
 Người lập biểu

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 (Theo phương pháp gián tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận/(Lỗ) trước thuế	01	(3.290.894.306)	943.182.250
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Các khoản dự phòng	03	1.867.508.714	
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(64.535.589)	(266.386)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(1.487.921.181)	942.915.864
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	3.079.223.146	(7.297.233.832)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	466.889	244.654.992
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(2.842.500.565)	2.894.722.632
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	56.239.371	(64.685.251)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(1.194.492.340)	(3.279.625.595)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	63.326.705	-
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.208.884	266.386
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	64.535.589	266.386
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(1.129.956.751)	(3.279.359.209)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	1.236.149.627	4.515.508.836
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70	106.192.876	1.236.149.627



Lê Cảnh Toán
 Giám đốc
 Hà Nội, Ngày 30 tháng 12 năm 2020

Nguyễn Tiên Đạt
 Kế toán trưởng

Nguyễn Tiên Đạt
 Người lập biểu

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "Công ty") được thành lập và hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần với mã số doanh nghiệp 0103020312 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 31 tháng 10 năm 2007; Đăng ký thay đổi mới nhất lần thứ 12 số 0102403985 ngày 27 tháng 12 năm 2019.

Vốn điều lệ theo đăng ký là 20.000.000.000 VND tương ứng với 2.000.000 cổ phần với mệnh giá cổ phần 10.000 VND.

Trụ sở chính của Văn phòng Công ty là: Tầng 12, Toà nhà CharmVit Tower, Số 117 Trần Duy Hưng, phường Trung Hoà, quận Cầu Giấy, Tp. Hà Nội, Việt Nam

Tổng số nhân viên của Văn phòng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 2 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 8 người).

Cổ phiếu của Văn phòng Công ty đã được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã cổ phiếu là PPE.

Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Văn phòng Công ty là:

- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Kiểm tra phân tích kỹ thuật;
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu;
- Phá dỡ;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu;
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Khai thác quặng kim loại;
- Các ngành nghề khác theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Hoạt động kinh doanh chính: Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Văn phòng Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính

Trong năm, Văn phòng Công ty có thay đổi lớn trong cơ cấu cổ đông và Ban lãnh đạo: Từ tháng 9/2019, các cổ đông chính và Ban lãnh đạo cũ dần thoái vốn, các cổ đông mới dần tiếp quản và bổ nhiệm Ban lãnh đạo mới. Việc kinh doanh ngành nghề cũ không còn phù hợp dẫn đến giảm sút doanh thu, hoạt động kinh doanh không hiệu quả nên Ban lãnh đạo mới có kế hoạch sẽ đa dạng hóa ngành nghề kinh doanh trong việc tái cấu trúc Công ty. Trong năm tài chính 2019 và cho đến thời điểm phát hành báo cáo này, Văn phòng Công ty vẫn đang thực hiện các bước xây dựng phương án kinh doanh và phương án tài chính, huy động vốn, bổ sung nhân sự chủ chốt.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)

Hoạt động liên tục

Doanh thu giảm sút, hoạt động kinh doanh thua lỗ trong các năm gần đây dẫn đến tại ngày 31/12/2019, Văn phòng Công ty có khoản lỗ lũy kế là 12,373 tỷ VND; trong khi doanh thu từ hoạt động kinh doanh thấp và dòng tiền từ hoạt động kinh doanh âm 1,2 tỷ VND. Ban lãnh đạo mới của Văn phòng Công ty đang xây dựng kế hoạch kinh doanh trong những năm tới theo hướng đa dạng hóa ngành nghề, cùng với kế hoạch phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ để bổ sung nguồn vốn hoạt động cho Văn phòng Công ty. Ban lãnh đạo mới đã bước đầu triển khai việc bổ sung nhân sự chủ chốt cho Văn phòng Công ty; xây dựng kế hoạch kinh doanh tài chính trong 2 năm tới cùng kế hoạch phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ để trình Đại hội đồng cổ đông cùng các cơ quan quản lý có thẩm quyền thông qua. Như đã trình bày tại Thuyết minh số 24 - “Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán”, đến ngày phát hành báo cáo này, Văn phòng Công ty đã ký hợp đồng nguyên tắc với Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Sản xuất - Xây dựng Đông Mê Kông về việc Văn phòng Công ty sẽ cung cấp các nguyên, vật liệu xây dựng cho Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Sản xuất - Xây dựng Đông Mê Kông với tổng giá trị nguyên, vật liệu xây dựng lên đến hơn 29 tỷ VND cũng như thu xếp, đàm phán và ký được các hợp đồng nguyên tắc về mua nguyên, vật liệu xây dựng từ các nhà cung cấp khác để cung cấp cho Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Sản xuất - Xây dựng Đông Mê Kông theo hợp đồng đã ký với Công ty này. Giám đốc Văn phòng Công ty đánh giá rằng, với hỗ trợ tài chính và các hỗ trợ khác từ các cổ đông chính, khi kế hoạch phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ được Đại hội đồng cổ đông thông qua và các cơ quan quản lý liên quan chấp thuận việc tăng vốn này, Văn phòng Công ty sẽ có các nguồn vốn cần thiết để triển khai các kế hoạch kinh doanh, đa dạng hóa dịch vụ và tăng doanh thu, cải thiện kết quả kinh doanh của Văn phòng Công ty trong thời gian tới. Theo đó, báo cáo tài chính kèm theo của Văn phòng Công ty vẫn được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục.

Cấu trúc doanh nghiệp

Ngoài Văn phòng Công ty, Công ty có một đơn vị thành viên trực thuộc sau:

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ
1.	Trung tâm tư vấn PVPE	Số 302 Nguyễn Trãi, phường Trung Văn, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính

Năm tài chính của Văn phòng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Chế độ Kế toán áp dụng

Văn phòng Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Văn phòng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý

Luật Kế toán đã có hiệu lực từ ngày 01/01/2017, trong đó bao gồm quy định về đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý, tuy nhiên chưa có hướng dẫn cụ thể cho vấn đề này; theo đó, Giám đốc đã xem xét và áp dụng như sau:

- Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế;*
- Đối với tài sản và nợ phải trả (ngoài mục a trên đây) Văn phòng Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy; do đó, Văn phòng Công ty đang ghi nhận theo giá gốc.*

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng

Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng là khoản phải thu tương ứng với doanh thu của phần công việc đã hoàn thành trong kỳ (không phải hoá đơn), không phải chờ khách hàng xác nhận do Văn phòng Công ty tự lập mà trong hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch.

Hàng tồn kho

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang theo công trình được phản ánh theo giá gốc trừ dự phòng các khoản lỗ hợp đồng. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung được phân bổ cho các dự án đang thực hiện. Chi phí sản xuất dở dang quá một chu kỳ kinh doanh thông thường tại thời điểm báo cáo được phân loại là chi phí sản xuất kinh doanh dài hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Hàng tồn kho (Tiếp Theo)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản trả trước

Các khoản trả trước được ghi nhận theo thực tế phát sinh bao gồm công cụ dụng cụ và các khoản chi phí trả trước phục vụ hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Đối với công cụ, dụng cụ phân bổ được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tương ứng với thời gian không quá 3 năm đối với chi phí trả trước phân bổ theo thời hạn hợp đồng.

Công ty căn cứ vào thời gian hợp đồng và thời gian phân bổ của từng loại chi phí để phân loại vào chi phí trả trước ngắn hạn, dài hạn và không thực hiện phân loại lại tại thời điểm báo cáo.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Thời gian sử dụng hữu ích (năm)
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Văn phòng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Chủ tịch hội đồng quản trị về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Văn phòng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Văn phòng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Văn phòng Công ty có khoản lỗ lũy kế (lỗ kế toán) là 12.373.074.545 VND, trong đó có 6.255.329.697 VND có thể được sử dụng để khấu trừ vào lợi nhuận trong tương lai (tối đa là 5 năm kể từ năm phát sinh lỗ). Tuy nhiên, Công ty chưa ghi nhận khoản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại cho khoản lỗ tính thuế trên do Công ty chưa chắc chắn về kế hoạch lợi nhuận trong tương lai.

Việc xác định thuế thu nhập của Văn phòng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

4. TIỀN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tiền mặt	792.875	318.035
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	105.400.001	1.235.831.592
Cộng	<u>106.192.876</u>	<u>1.236.149.627</u>

5. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	<u>1.570.107.157</u>	<u>14.313.206.719</u>
Ban QLDA Phát triển Điện lực - TCTĐL Miền Bắc (*)	1.135.910.405	1.218.910.405
Công ty TNHH Logistics Quốc tế Bắc Giang	-	7.825.935.000
Công ty CP XD TM & Khoáng sản Hoàng Phúc	-	3.813.661.390
Công ty TNHH Đầu tư và Quản lý Hoàng Phúc	-	1.020.503.162
Khách hàng khác (*)	434.196.752	434.196.762
Trong đó phải thu của khách hàng là các bên liên quan:	-	<u>12.660.099.552</u>
Công ty TNHH Logistics Quốc tế Bắc Giang	-	7.825.935.000
Công ty CP XD TM & Khoáng sản Hoàng Phúc	-	3.813.661.390
Công ty TNHH Đầu tư và Quản lý Hoàng Phúc	-	1.020.503.162

Ghi chú:

(*) Khoản phải thu Ban QLDA Phát triển Điện lực - TCTĐL Miền Bắc có giá trị là 1.135.910.405 VND cùng một số khoản phải thu của các khách hàng khác có giá trị là 432.651.904 VND chưa có đối chiếu công nợ tại ngày cuối năm.

6. PHẢI THU THEO TIẾN ĐỘ KẾ HOẠCH HỢP ĐỒNG XÂY DỰNG

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	<u>4.361.375.023</u>	<u>4.361.375.024</u>
Công ty Cổ phần Truyền thông Đại Hồng Phát	-	-
Công trình Nậm Pàn	4.138.319.061	4.138.319.061
Dự án nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2 (i)	223.055.962	223.055.963

Ghi chú:

(i) Phản ánh các khoản phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng của dự án nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2 ghi nhận lần lượt từ các năm 2013, 2015 căn cứ theo bảng xác nhận khối lượng hoàn thành do Văn phòng Công ty tự xác định, đến nay chưa được nghiệm thu và xác nhận bởi chủ đầu tư. Khoản phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng này chưa được trích lập dự phòng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

9. HÀNG TỒN KHO

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn	297.401.567	228.338.842
Công trình bãi thải xỉ của nhà máy nhiệt điện Thái Bình	297.401.567	176.771.680
Tư vấn giám sát Logistics Bắc Giang	-	51.567.162
b) Dài hạn	-	69.529.614
Công trình nhà máy nhiệt điện Thái Bình	-	69.529.614

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn	14.250.050	66.702.249
Các khoản khác	14.250.050	66.702.249
b) Dài hạn	-	3.787.172
Các khoản khác	-	3.787.172

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Tổng cộng</u>
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Số đầu năm	462.252.195	62.860.350	525.112.545
Thanh lý, nhượng bán	(462.252.195)	-	(462.252.195)
Số cuối năm	-	62.860.350	62.860.350
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số đầu năm	462.252.195	62.860.350	525.112.545
Thanh lý, nhượng bán	(462.252.195)	-	(462.252.195)
Số cuối năm	-	62.860.350	62.860.350
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Số đầu năm	-	-	-
Số cuối năm	-	-	-

Nguyên giá của tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày cuối năm với giá trị là 62.860.350 VND (tại ngày đầu năm là 525.112.545 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	3.164.305.242	3.164.305.242	6.292.210.098	6.292.210.098
Công ty Cổ phần Tư vấn Việt - Delta (*)	1.670.425.567	1.670.425.567	1.670.425.567	1.670.425.567
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí (*)	556.045.763	556.045.763	556.045.763	556.045.763
Công ty Tư vấn Địa kỹ thuật - CN TCT TVXD Thủy lợi Việt Nam	340.489.681	340.489.681	340.336.868	340.336.868
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Toàn Cầu - CN Tây Bắc (*)	303.218.000	303.218.000	303.218.000	303.218.000
Công ty Cổ phần Khoáng sản Cổ Kênh (*)	171.244.500	171.244.500	171.244.500	171.244.500
Công ty Cổ phần Kinh Bắc CNJ	115.422.200	115.422.200	2.929.080.200	2.929.080.200
Đối tượng khác (*)	7.459.531	7.459.531	321.859.200	321.859.200

Ghi chú:

(*) Các đối tượng này không có đối chiếu công nợ tại ngày cuối năm.

13. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Người mua trả tiền trước	1.588.007.754	1.588.007.754
Ban QLDA Điện lực Dầu khí Vũng Áng - Quảng Trạch	1.422.555.556	1.422.555.556
Ban QLDA Điện lực Dầu khí Thái Bình 2	132.452.198	132.452.198
Ban điều hành các dự án của PVC tại Hà Nội	33.000.000	33.000.000

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số cuối năm	Số phải nộp trong năm	Số thực nộp trong năm	Số đầu năm
	VND	VND	VND	VND
Phải thu				
Thuế TNDN	2.794.344	-	-	2.794.344
Cộng	2.794.344	-	-	2.794.344
Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	51.333.531	51.333.531	256.900.611	256.900.611
Thuế TNCN	13.437.612	23.010.508	27.330.945	17.758.049
Thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	64.771.143	77.344.039	287.231.556	274.658.660

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

15. PHẢI TRẢ KHÁC

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
a) Phải trả ngắn hạn khác	465.827.384	15.657.243
Các khoản trích theo lương	14.977.384	5.422.566
Phải trả ngắn hạn khác	156.850.000	10.234.677
Cổ tức từ năm 2011 phải trả cổ đông (i)	294.000.000	-
b) Phải trả dài hạn khác	-	294.000.000
Cổ tức từ năm 2011 phải trả cổ đông (i)	-	294000000

Ghi chú:

- (i) Khoản cổ tức còn phải trả cho cổ đông theo Nghị quyết Đại hội cổ đông số 08/NQ-ĐHCĐ-TVĐLDK năm 2012 về phân phối lợi nhuận sau thuế của năm 2011 có số dư tại ngày 31/12/2018 là 294.000.000 VND. Đây là khoản cổ tức phải trả cho cổ đông cũ là Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam.

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	<u>Vốn góp</u>	<u>Quỹ đầu tư</u>	<u>LNST chưa phân</u>	<u>Cộng</u>
	của chủ sở hữu	phát triển	phối/(Lỗ) lũy kế	
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	20.000.000.000	146.866.588	(10.025.362.489)	10.121.504.099
Lãi trong năm	-	-	943.182.250	943.182.250
Số dư đầu năm nay	20.000.000.000	146.866.588	(9.082.180.239)	11.064.686.349
Lỗ trong năm	-	-	(3.290.894.306)	(3.290.894.306)
Số dư cuối năm nay	20.000.000.000	146.866.588	(12.373.074.545)	7.773.792.043

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 12 ngày 27/12/2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, vốn điều lệ của Công ty là 20.000.000.000 VND. Tại ngày 31/12/2019, vốn điều lệ đã được chủ sở hữu và cổ đông góp đủ.

Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	-	-
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.000.000	2.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	2.000.000	2.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.000.000	2.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	2.000.000	2.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

16. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Chi tiết vốn góp của các cổ đông

	Vốn đã góp			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	%	VND	%
Ông Thái Minh Dương	4.638.000.000	23,19%	950.000.000	4,75%
Ông Lê Cảnh Toàn	4.635.000.000	23,18%	950.000.000	4,75%
Ông Lê Văn Quang	4.450.000.000	22,25%	950.000.000	4,75%
Bà Trần Thị Thu Hiền	4.162.000.000	20,81%	950.000.000	4,75%
Công ty TNHH Đầu tư và Quản lý Hoàng Phúc	-	0,00%	4.980.000.000	24,90%
Các cổ đông khác	2.115.000.000	10,58%	11.220.000.000	56,10%
Tổng cộng	20.000.000.000	100%	20.000.000.000	100%

17. DOANH THU THUẬN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu dịch vụ đã cung cấp	1.502.663.687	7.733.857.899
Cộng	1.502.663.687	7.733.857.899

18. GIÁ VỐN BÁN HÀNG

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	826.391.399	3.343.295.146
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	297.401.567	-
Cộng	1.123.792.966	3.343.295.146

19. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nhân viên	1.431.914.345	1.072.278.273
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	255.657.867	619.211.660
Chi phí dự phòng	1.570.107.147	-
Các khoản chi phí QLDN khác	465.772.169	22.445.461
Cộng	3.726.451.528	1.716.935.394

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

20. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	467.682.929	-
Chi phí nhân công	1.657.295.846	1.275.917.206
Chi phí dịch vụ mua ngoài	390.417.674	3.964.897.497
Chi phí khác	2.334.381.156	22.445.461
Cộng	4.849.777.605	5.263.260.164

21. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho năm hiện tại		
Lỗ trước thuế	(3.290.894.306)	943.182.250
Lỗ của Trung tâm	(2.000.000)	(1.232.886)
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	1.867.508.714	187.967
<i>Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ</i>	<i>1.867.508.714</i>	<i>187.967</i>
Chuyển lỗ từ các năm trước		942.137.331
Thu nhập chịu thuế	(1.425.385.592)	-
Thuế suất thông thường	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	-

Văn phòng Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% trên thu nhập chịu thuế. Công ty không trích lập thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ do Công ty không có thu nhập chịu thuế.

22. LỖ VÀ THỜI GIAN CHUYỂN LỖ

Công ty có các khoản lỗ tính thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được sử dụng để khấu trừ vào lợi nhuận trong tương lai như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Các khoản lỗ lũy kế tính thuế	6.255.329.697	4.829.944.105

Kế hoạch chuyển lỗ các khoản lỗ lũy kế đến cuối năm để tính thuế thu nhập doanh nghiệp phụ thuộc vào kết quả hoạt động kinh doanh trong tương lai của Công ty. Do Công ty chưa dự tính được khi nào sẽ có lợi nhuận để chuyển lỗ trong thời gian tới nên Công ty chưa ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả tương ứng trên báo cáo tài chính này. Các khoản lỗ này (nếu không được chuyển lỗ hàng năm) sẽ đáo hạn theo lịch biểu sau:

Năm phát sinh lỗ tính thuế	Thời gian được chuyển lỗ	Số lỗ tính thuế phát sinh	Số lỗ tính thuế đã chuyển	Số lỗ tính thuế còn được chuyển
Năm 2016	2017 - 2021	1.890.233.575	(943.182.250)	947.051.325
Năm 2017	2018 - 2022	3.882.892.780	-	3.882.892.780
Năm 2019	2020 - 2024	1.425.385.592	-	1.425.385.592
Cộng		7.198.511.947	(943.182.250)	6.255.329.697

Công ty hiện chưa thực hiện quyết toán thuế từ khi thành lập đến nay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

23. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	Năm nay
	VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm (i)	<u>372.967.071</u>

Ghi chú:

- (i) Hợp đồng thuê văn phòng số ST-0519-164 ngày 01/05/2019 ký giữa Công ty và Công ty TNHH Khách sạn Grand Plaza Hà Nội với diện tích thuê là 79,01 m² tại Phòng 9A (ô số 01), tầng 12 nằm trong tòa nhà Charmvit Tower, 117 Trần Duy Hưng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội; thời hạn thuê từ ngày 01/05/2019 đến ngày 14/08/2020; đơn giá thuê là 370.000 VND/m²/tháng (tương đương 16 USD/m²/tháng); phí quản lý hàng tháng là 129.250 VND/m²/tháng (tương đương 5,5 USD/m²/tháng).

Theo Phụ lục A - Hợp đồng thuê văn phòng ngày 05/09/2019 ký giữa Công ty TNHH Khách sạn Grand Plaza Hà Nội với Công ty Cổ phần Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam và Công ty TNHH Đầu tư và quản lý Hoàng Phúc. Từ ngày 01/11/2019, Công ty Cổ phần Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam sẽ chuyển nhượng hợp đồng số ST-0519-164 ký ngày 01/05/2019 với Công ty TNHH Khách sạn Grand Plaza Hà Nội với diện tích thuê là 79,01 m² tại Phòng 9 (ô số 01), tầng 12 nằm trong tòa nhà Văn phòng Charmvit Tower, 117 Trần Duy Hưng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội cho Công ty TNHH Đầu tư và Quản lý Hoàng Phúc; khoản tiền đặt cọc 119.122.506 VND mà Công ty Cổ phần Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam đã ký quỹ bên Công ty TNHH Khách sạn Grand Plaza Hà Nội sẽ được chuyển thành khoản đặt cọc của bên Công ty TNHH Đầu tư và Quản lý Hoàng Phúc.

- (ii) Hợp đồng thuê nhà ngày 09/01/2019 ký giữa Công ty và Bà Đào Minh Phương với diện tích thuê là 90m² tại căn hộ P903B, Nhà CT3B, Dự án khu nhà ở để bán Mỹ Trì, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội; thời hạn thuê là 2 năm kể từ ngày 15/01/2019 đến ngày 15/01/2021; đơn giá thuê là 7.500.000 VND/tháng.

Tại ngày 31/12/2019, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	Số cuối năm
	VND
Trong vòng 1 năm	<u>90.000.000</u>
Từ năm thứ 2 đến năm thứ 5	<u>3.750.000</u>
Cộng	<u>93.750.000</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

24. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

- Ngày 29/10/2020, Công ty cùng với Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Xây dựng An Đức và ông Nguyễn Văn Đức đã ký các phụ lục hợp đồng số 01, 02, 03/2020/PL-HĐHT-PPE về việc nếu Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Xây dựng An Đức không đủ khả năng tài chính hoàn trả phần vốn góp cho Công ty thì ông Nguyễn Văn Đức sẽ đứng ra bảo lãnh và thanh toán cho Công ty. Theo đó, ngày 29/10/2020, Ông Nguyễn Văn Đức đã chuyển vào tài khoản Công ty số tiền 12.800.500.000 VND tương đương với giá trị khoản Công ty phải thu từ Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Xây dựng An Đức tại Thuyết minh số 07 - "Phải thu khác" của Thuyết minh báo cáo tài chính.
- Ngày 29/10/2020, ông Lê Cảnh Toàn ủy quyền cho bà Lưu Thị Bưởi rút số tiền 12.800.500.000 VND để thực hiện tạm ứng cho các hợp đồng kinh tế, tìm kiếm cơ hội kinh doanh. Ngày 10/12/2020, ông Lê Cảnh Toàn đã nộp 7 tỷ VND vào tài khoản của Công ty để Công ty chuyển tiền tạm ứng cho Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Thiết bị điện An Phú theo hợp đồng số 18/2020/EPC/AP-DKVN ngày 8/12/2020. Ông Lê Cảnh Toàn cũng đã nộp vào tài khoản Công ty tổng số tiền 4,8 tỷ VND để Công ty tiếp tục tạm ứng cho Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Thiết bị điện An Phú số tiền 2 tỷ VND ngày 18/12/2020 và 2,8 tỷ VND ngày 28/12/2020.
- Ngày 1/12/2020, Công ty ký hợp đồng nguyên tắc số 01/HĐNT.2020/DMK+PPE với Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Sản xuất - Xây dựng Đông Mê Kông, theo đó, Công ty chịu trách nhiệm cung cấp vật liệu xây dựng với giá trị 29,3 tỷ cho dự án đầu tư xây dựng công trình khôi phục, cải tạo quốc lộ 20 đoạn Km0+000-KM123+105,17 trên nền địa phận hai tỉnh Đồng Nai và Lâm Đồng theo hình thức hợp đồng BT mà Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Sản xuất - Xây dựng Đông Mê Kông là một trong các nhà đầu tư.

Công ty đã ký các Hợp đồng mua bán số 03/HĐMB/DP-PPE ngày 06/12/2020, số 04/HĐMB/DP-PPE ngày 09/12/2020 và số 05/HĐMB/DP-PPE ngày 15/12/2020 với Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Dũng Phát về việc mua hàng hóa là các nguyên, vật liệu xây dựng để cung cấp các nguyên, vật liệu xây dựng này cho Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Sản xuất - Xây dựng Đông Mê Kông theo hợp đồng nguyên tắc số 01/HĐNT.2020/DMK+PPE trên đây.


- Theo kế hoạch sản xuất - kinh doanh và tài chính ngày 20/12/2020 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Ban lãnh đạo Công ty đề xuất phương án tăng vốn điều lệ lên 40 tỷ thông qua hình thức phát hành cổ phiếu cho cổ đông chiến lược để có nguồn tài chính thực hiện các hợp đồng nêu trên. Công ty sẽ trình Đại hội cổ đông thông qua phương án tăng vốn điều lệ trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông sắp tới; cũng như triển khai các bước để xin chấp thuận của các cấp có thẩm quyền về việc phát hành cổ phiếu này sau khi được Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua.


25. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 đã được kiểm toán.



Lê Cảnh Toàn
Giám đốc
Hà Nội, ngày 30 tháng 12 năm 2020


Nguyễn Tiến Đạt
Kế toán trưởng


Nguyễn Tiến Đạt
Người lập biểu